

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SỸ THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TY03047: THỰC TẬP GIÁO TRÌNH KIỂM NGHIỆM THÚ SẢN & VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM
(FIELDTRIP FOR VETERINARY INSPECTION & FOOD SAFETY)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 9
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 3 (Lý thuyết 0 – Thực hành 3- Tự học 9)**
 - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 90 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 0 tiết
 - + Thực tập, thực tế ngoài trường: 30 tiết
- Giờ tự học: 135 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Thú y cộng đồng
 - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> X	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: TY03013 _Kiểm nghiệm thú sản
- Học phần tiên quyết:
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

* **Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:**

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	
Kiến thức chuyên môn	
Kỹ năng chung	
CDR 6. Làm việc nhóm đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay người lãnh đạo.	6.2: Vận dụng kỹ năng xây dựng và phát triển quan hệ nội bộ bao gồm thiết lập sự nối kết, giải quyết mâu thuẫn và quan hệ với bên ngoài trong quá trình làm việc nhóm 6.3: Vận dụng kỹ năng đánh giá kết quả làm việc của cá nhân và nhóm và cải tiến liên tục
CDR7: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hoá một cách hiệu quả; Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ công	7.2: Giao tiếp hiệu quả dựa trên sự thấu hiểu các cảm giác, cảm xúc và giá trị

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
việc; đạt chuẩn tiếng Anh trình độ B1 theo qui định của Bộ GD&ĐT.	7.3: Ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa
Kỹ năng chuyên môn	
CDR 11: Nghiên cứu khoa học giải quyết thành công các vấn đề của lĩnh vực thú y.	11.3: Triển khai đúng cách các phương pháp khảo sát, nghiên cứu
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR 14. Định hướng tương lai rõ ràng và sẵn sàng học tập suốt đời để đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của ngành thú y trong bối cảnh toàn cầu hóa.	14.1: Xác định rõ ràng các định hướng phát triển sự nghiệp

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

* Mục tiêu:

Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực tế về vận chuyển và kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y động vật và sản phẩm động vật và các luật liên quan.

Về kỹ năng: Hướng dẫn sinh viên thành thạo các phương pháp kiểm tra vệ sinh thú y động vật và sản phẩm động vật. Áp dụng được các nguyên tắc kiểm dịch và luật khi thực hành nghề nghiệp.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của sinh viên về môn học thực tập giáo trình kiểm nghiệm thú sản và vệ sinh an toàn thực phẩm. Sinh viên cần nhận thức rõ trách nhiệm và vai trò của bác sĩ thú y khi làm việc như một kiểm dịch viên động vật và SPDV, do môn học liên quan trực tiếp

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT					
		6.2	6.3	7.2	7.3	11.3	14.1
TY03047	Thực tập giáo trình KNTS và VSATTP	M	M	M	M	M	M

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CDR của CTĐT
Kiến thức		
Kỹ năng		
K1	Vận dụng được các kiến thức đã học nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và sức khỏe cộng đồng trong các quy trình giết mổ, sản xuất và chế biến sản phẩm động vật và đầy đủ hệ thống quản lý nhà nước và hệ thống văn bản pháp luật trong công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, và kiểm tra VSTY.	6.2
K2	Vận dụng kỹ năng đánh giá kết quả làm việc của cá nhân và nhóm và cải tiến liên tục	6.3

K3	Giao tiếp hiệu quả dựa trên sự thấu hiểu các cảm giác, cảm xúc và giá trị	7.2
K4	Ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa	7.3
K5	Triển khai đúng cách các phương pháp khảo sát, nghiên cứu	11.3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Xác định rõ ràng các định hướng phát triển sự nghiệp	14.1

IV. Nội dung tóm tắt của học phần

TY03047_Thực tập giáo trình Kiểm nghiệm thú sản & An toàn thực phẩm (Fieldtrip for Veterinary Inspection & Food Safety). (3 TC: 0–3 –6).

Nội dung: học phần này bao gồm nội dung chính sau: Ngoại khoá pháp luật và hệ thống quản lý nhà nước về thú y (kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y); một số vấn đề mới trong vệ sinh an toàn thực phẩm (phương pháp phân tích chất tồn dư, sáng kiến một sức khỏe, và vấn đề phúc lợi động vật với chất lượng sản phẩm); Tham quan thực tập tại các cơ sở giết mổ và chế biến sản phẩm động vật; các phòng thí nghiệm kiểm tra vệ sinh thú y và kiểm dịch động vật.

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1. Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5	K6
Giảng dạy thông qua tham quan thực tế (Teaching through field-trips)	x	x	x	x	x	x
Seminar		x	x	x	x	

2. Phương pháp học tập

Tham gia thực tập, thu thập số liệu, phân tích và viết báo cáo thu hoạch tại cơ sở. Dự lớp lý thuyết, trình bày và thảo luận báo cáo thu hoạch thực tập cơ sở (cá nhân và theo nhóm).

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải dự lớp đủ thời gian quy định.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc trước nội dung liên quan đến môn Kiểm nghiệm thú sản và vệ sinh an toàn thực phẩm có nguồn gốc ĐV trước khi tham gia các hoạt động môn học.
- Thực tập, thực tế ngoài trường: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia chuẩn bị báo cáo thu hoạch kết quả thực tập tại cơ sở theo chuyên đề, trình bày và thảo luận trên lớp (theo nhóm); viết báo cáo thu hoạch tổng hợp (cá nhân) theo yêu cầu.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5	K6	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình (40%)							
Rubric 1. Chuyên cần (10%)						x	1-2
Rubric 2. Kiểm tra trắc nghiệm (30%)	x						2
Rubric 3. Bài thuyết trình (30%)		x	x	x	x		2
Rubric 4. Bài thu hoạch (30%)	x						2

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia

Rubric 2: Thi trắc nghiệm: điểm chấm tự động trên máy

Rubric 3. Đánh giá THUYẾT TRÌNH chuyên đề kết quả thực tập tại cơ sở (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Nội dung	50	Cập nhật kiến thức mới. Phong phú hơn yêu cầu. Chính xác, khoa học Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cập nhật kiến thức mới. Đầy đủ theo yêu cầu Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Ít cập nhật kiến thức mới. Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Thiếu nhiều nội dung quan trọng Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý

Kỹ năng trình bày, trả lời câu hỏi	50	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục Tương tác tốt với người nghe trong quá trình trình bày Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục Tương tác với người nghe khá Hoàn thành đúng thời gian. Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng Có sự tương tác với người nghe nhưng chưa tốt Có ý thức kiểm soát thời gian. Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng Không có tương tác với người nghe Không kiểm soát thời gian. Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng
------------------------------------	----	--	--	--	---

Rubric 4: Đánh giá BÁO CÁO thu hoạch kết quả thực tập tại cơ sở (cá nhân)

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Cấu trúc Nội dung	70	Cân đối, hợp lý Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Lập luận hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá cân đối, hợp lý Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối cân đối, hợp lý Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không cân đối, thiếu hợp lý Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
Hình thức trình bày (font chữ, cẩn lè, fomat...)	30	Nhất quán về format trong toàn bài Không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format Một vài lỗi nhỏ	Vài chỗ không nhất quán Lỗi chính tả khá nhiều	Rất nhiều chỗ không nhất quán Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và đánh máy/viết cầu thả

Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Vận dụng các kiến thức về yếu tố gây mất vệ sinh an toàn thực phẩm và sức khỏe cộng đồng trong các quy trình giết mổ, sản xuất và chế biến sản phẩm động vật và đầy đủ hệ thống quản lý nhà nước và hệ thống văn bản pháp luật trong công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, và kiểm tra VSTY.
K2	Chỉ báo 2: Vận dụng hiệu quả kiểm tra và chăm sóc ĐV trước giết mổ, vận chuyển và kiểm dịch động vật, kiểm tra thân thịt và phủ tạng sau giết mổ, xử lý thân thịt và phủ tạng không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y, bảo quản và chế biến sản phẩm động vật.

K3	Chỉ báo 3: Vận dụng các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm nghiệm thú sản trong đảm bảo an toàn thực phẩm
K4	Chỉ báo 4: Giao tiếp hiệu quả dựa trên sự thấu hiểu các cảm giác, cảm xúc và giá trị
K5	Chỉ báo 5: Ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa
K6	Chỉ báo 6: Xác định rõ định hướng nghề nghiệp rõ ràng.

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Nộp bài chậm: Tất cả các trường hợp nộp bài (báo cáo chuyên đề, báo cáo thực hành) chậm sẽ bị trừ điểm: 1 ngày trừ 1 điểm, 2 ngày trừ thêm 2 điểm, 3 ngày trừ thêm 3 điểm... (nghĩa là chậm 3 ngày sẽ bị trừ tổng cộng 6 điểm)
- Yêu cầu về đạo đức: Mọi gian lận trong học tập (VD: điểm danh hộ, nhờ người đi học hộ) và thi cử (VD: sử dụng tài liệu/vật dụng không được phép, nhìn bài, trao đổi khi làm bài) sẽ bị xử lý theo quy chế chung.

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

- Giáo trình/bài giảng:

1. Nguyễn Thị Bình Tâm & Dương Văn Nhiệm (2010). Giáo trình Kiểm nghiệm thú sản. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. 159 tr.
2. Bài giảng môn Vệ sinh an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật (biên soạn theo chương trình đào tạo và cập nhật thường xuyên).

- Các tài liệu khác:

1. Quốc hội (2015). Luật số 79/2015/QH13 của Quốc hội: LUẬT THÚ Y (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2016).

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Ngày	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1	<p>A/Các nội dung chính: (5 tiết)</p> <p>Ngoại khóa chuyên đề 1: pháp luật và hệ thống quản lý nhà nước về thú y (cụ thể là kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y)</p> <p>Ngoại khóa chuyên đề 2: một số vấn đề mới trong vệ sinh an toàn thực phẩm: phương pháp phân tích chất tồn dư</p> <p>Ngoại khóa chuyên đề 3: một số vấn đề mới trong vệ sinh an toàn thực phẩm: sáng kiến một sức khỏe</p> <p>Ngoại khóa chuyên đề 4: một số vấn đề mới trong vệ sinh an toàn thực phẩm: vấn đề phúc lợi động vật với chất lượng sản phẩm</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1- Tìm hiểu về hệ thống quản lý nhà nước về kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y ở Việt Nam 2- Tìm hiểu các văn bản pháp luật về kiểm dịch ĐV&SPĐV 	

2	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính thực hiện tại cơ sở ngoài trường: Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (30 tiết) Tham quan thực tập tại các cơ sở giết mổ và chế biến sản phẩm động vật</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (90 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến giết mổ và chế biến sản phẩm động vật, quy trình giết mổ, nguyên tắc vệ sinh; - Tập hợp số liệu và thông tin liên quan đến chuyên môn tại cơ sở. 	K1, K2, K3, K4, K5, K6
10	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính: Nội dung semina/thảo luận: (10 tiết) Các nhóm sinh viên trình bày và thảo luận báo cáo thu hoạch theo chuyên đề</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu thêm các tài liệu liên quan đến các chuyên đề thu hoạch thực tập tại cơ sở ngoài trường. 	K1, K2, K3, K4, K5, K6

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: có đủ không gian, tủ hút hóa chất, thiết bị dụng cụ và vật tư tối thiểu cho việc dạy và học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: có máy chiếu đa phương tiện, kết nối internet (LAN/wifi), hệ thống loa/micro và bảng viết (bút/phấn). Tất cả đều phải được bảo trì thường xuyên và luôn trong điều kiện hoạt động tốt.
- Các phương tiện khác: bảng flipchart và giấy bút dùng cho việc báo cáo chuyên đề và thảo luận của sinh viên.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bùi Trần Anh Đào

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên)



GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIÁNG VIÊN GIÁNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Hồng Ngân	Học hàm, học vị: PGS.TS.
Địa chỉ cơ quan: Phòng 212, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq 024. 6261.7685, đđ: 0912.288.450
Email: phngan@vnua.edu.vn hoặc phngan2001@yahoo.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Dương Văn Nhiệm	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 212, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq 024. 6261.7685, đđ: 0974.432.678
Email: dvnhiem@vnua.edu.vn hoặc dvnhiem@yahoo.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Hương Giang	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 212, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq 024. 6261 7685, đđ: 0388.968.060
Email: huonggiangnguyen83@gmail.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đồng Văn Hiếu	Học hàm, học vị: Thạc sỹ (hiện đang là nghiên cứu sinh tại Nhật Bản)
Địa chỉ cơ quan: Phòng 212, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq 024. 6261 7685, đđ: 0914.977.587
Email: dvhieuvet@vnua.edu.vn hoặc dvhieuvet1984@gmail.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 212, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq: 024. 6261 7685, đđ: 0981.689.696
Email: nguyentrang1611@gmail.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Thị Thu Trà	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 212, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq 024. 6261 7685, đđ: 0866.173.680
Email: thutra_ty48C@yahoo.com.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Cam Thị Thu Hà	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Phòng 212, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq: 024. 6261 7685, đđ: 0961.927.288
Email: thuha462503@yahoo.com.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hoàng Minh Đức	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 212, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq: 024. 6261 7685, đđ: 0982.649.386
Email: ducvetmed@yahoo.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5	K6
Giảng dạy thông qua tham quan thực tế (Teaching through field-trips)						
ĐÁNH GIÁ						
Rubric 1. Chuyên cần						x
Rubric 1. Trắc nghiệm	x					
Rubric 3. Thuyết trình nhóm		x	x	x	x	
Rubric 4. Báo cáo cá nhân		x	x	x	x	

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:

- Lần 1: 7/ 2018
 - Cập nhật giảng viên giảng dạy học phần
- Lần 2: 7/ 2019
 - Sửa lại rubric đánh giá chuyên cần và giữa kỳ
- Lần 3: 7/ 2020
 - Cập nhật phương pháp giảng dạy
 - Cập nhật tài liệu tham khảo
- Lần 4: 7/ 2021
 - Sửa lại chỉ báo trong rubric đánh giá giữa kỳ
- Lần 5: 7/2022
 - Cập nhật phương pháp đánh giá